

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ XUÂN HƯNG

Mẫu số: 108/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 3029/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND xã Xuân Hưng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Phần thu	Tổng số	Phần chi	Tổng số
1	2	5	6
Tổng số thu (A+B)	328.196	Tổng số chi	328.196
1. Các khoản thu NSDP hưởng 100%	2.260	1. Chi đầu tư phát triển	61.772
2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	73.486	2. Chi thường xuyên	256.764
3. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	252.450	3. Dự phòng ngân sách	6.660
<i>Trong đó: Bổ sung cân đối ngân sách</i>	249.450	4. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên	3.000
<i>Bổ sung có mục tiêu</i>	3.000		

DỰ TOÁN THU NGÂN XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 3029/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND xã Xuân Hưng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	3
	TỔNG THU NSNN (A+B+C+D)	252.450	328.196
A	Thu NSNN trên địa bàn		75.746
	Trong đó: Thu TX		
1	Thu từ doanh nghiệp trung ương		
1	Thu từ khu vực cung thường nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh		20.900
2	Lệ phí trước bạ		900
3	Thu thuế SD đất phi NN		200
4	Thu nhập cá nhân		2.900
5	Thu phí và lệ phí		160
6	Thu tiền cấp quyền SD đất		49.512
7	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước		174
8	Thu khác NS		300
9	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản		700
B	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	252.450	252.450
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	249.450	249.450
2	Thu bổ sung có mục tiêu	3.000	3.000
3	Thu bổ sung thực hiện tiền lương		
C	Thu chuyển nguồn		
D	Thu kết dư		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 3029/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND xã Xuân Hưng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2026		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
	Tổng chi	328.196	61.772	256.764
I	Chi xây dựng cơ bản	61.772	61.772	-
1	Chi XDCC bằng nguồn cấp đất	61.772	61.772	
II	Chi thường xuyên	256.764		256.764
1	Chi sự nghiệp kinh tế	4.530		4.530
2	Chi sự nghiệp khoa học	500		500
3	Chi sự nghiệp môi trường	4.616		4.616
4	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	142.285		142.285
5	Chi sự nghiệp Y tế	8.920		8.920
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	428		428
7	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	7.150		7.150
8	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	169		169
9	Chi đảm bảo xã hội	36.356		36.356
10	Chi quản lý hành chính	46.985		46.985
11	Chi an ninh	2.466		2.466
12	Chi quốc phòng	1.082		1.082
13	Chi khác ngân sách	1.277		1.277
III	Dự phòng ngân sách	6.660		6.660
IV	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu chỉ định từ ngân sách cấp trên	3.000		3.000

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 3029/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND xã Xuân Hưng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán			Kế hoạch vốn năm 2026		
				Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số	Ngân sách xã
					Tổng số	Ngân sách Xã		Tổng số	Trong đó: NS xã		
A	B	1	3	4	5	6	6	7	8	9	10
	Tổng số				559.010	555.115	-	30.444	22.476	71.772	71.772
I	CHI CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI									4.951	4.951
II	PHÂN BỐ CHI TIẾT CÁC DỰ ÁN			-	559.010	555.115	-	30.444	22.476	66.821	66.821
1	CÁC CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH ĐÃ QUYẾT TOÁN				31.322	27.427	-	30.444	22.476	5.077	5.077
1.1	Lĩnh vực bảo vệ môi trường						-	30.444	22.476	5.077	5.077
	Lò đốt rác thải sinh hoạt LOSIHO không sử dụng nhiên liệu tự nhiên phân và tự đốt	xã Xuân Hưng	2014-2019	18/QĐ-UBND ngày 21/5/2014	650	650	56/QĐ-UBND ngày 25/11/2019	650	650	200	200
1.2	Lĩnh vực giáo dục đào tạo										
1,2,1	Nhà đa năng, sửa chữa các phòng học và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học xã Xuân Trung	xã Xuân Hưng	2023-2025	108/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	8.499	7.499	83/QĐ-UBND ngày 20/6/2025	8.173	3.205	263	263
1,2,2	Sửa chữa Trường Mầm non khu 1	xã Xuân Hưng	2024-2024	QĐ 97/QĐ-UBND, ngày 1/7/2024	1.200	1.195	QT 120/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	1.107	107	64	64
1,2,3	Nhà 3 tầng 9 phòng học trường tiểu học khu B xã Xuân Vinh (GD 2)	xã Xuân Hưng	2021-2023	QĐ số 185/QĐ-UBND ngày 21/12/2021	5.476	5.476	77/QĐ-UBND, ngày 27/7/2023	5.415	5.415	2.486	2.486
1,2,4	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Xuân Vinh	xã Xuân Hưng	2024-2025	149/QĐ-UBND ngày 22/11/2024	790	790	08/QĐ-UBND ngày 12/02/2025	771	771	35	35
1.3	Lĩnh vực kinh tế										
1,3,1	Xây mới hệ thống lan can bờ hồ Xuân Bắc	xã Xuân Hưng	2024-2025	111/QĐ-UBND ngày 26/12/2024	458	458	QT 33/QĐ-UBND ngày 18/3/2025	447	447	25	25
1,3,2	Kiên cố hóa 2 bên bờ kênh đường trục chính xã Xuân Phương đoạn từ Chùa Đông đến giáp xã Thọ Nghiệp	xã Xuân Hưng	2023-2024	135/QĐ-UBND ngày 27/12/2023	9.995	8.495	120/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	9.740	8.240	1.757	1.757
1,3,3	Nâng cấp đường bê tông xóm 10, lắp đặt hệ thống chiếu sáng từ xóm 9 đến xóm 10 và lắp đặt đường điện xóm 3 mới xã Xuân Vinh	xã Xuân Hưng	2023-2024	84/QĐ-UBND, ngày 12/9/2023	745	745	63/QĐ-UBND, ngày 27/5/2024	715	715	179	179
1,3,4	SC đường, đổ bê tông lề đường, xây bồn hoa đường trục xã Xuân Vinh	xã Xuân Hưng	2023-2024	112/QĐ-UBND, ngày 28/11/2023	1.014	1.014	111/QĐ-UBND ngày 19/10/2024	1.008	1.008	45	45
1.4	Lĩnh vực quản lý nhà nước										
	Cải tạo, sửa chữa các hạng mục trong UBND xã và sơn kẻ vạch giảm tốc các trục đường giao thông, lắp đặt biển báo, lan can cầu xã Xuân Vinh	xã Xuân Hưng	2024-2024	79/QĐ-UBND ngày 09/08/2024	497	497	133/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	494	494	22	22
1.5	Lĩnh vực xã hội										
	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ Xuân Bắc	xã Xuân Hưng	2024-2025	55/QĐ-UBND ngày 22/10/2024	1.998	608	82/QĐ-UBND ngày 09/6/2025	1.924	1.424		
2	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP				20.311	20.311	-	-	-	13.734	13.734
2.1	Lĩnh vực văn hóa - thông tin										
	Nhà văn hóa xã Thọ Nghiệp	xã Xuân Hưng	2024-2026	115/QĐ-UBND ngày 31/7/2024	9.893	9.893				5.894	5.894
2.2	Lĩnh vực kinh tế										
	Đo đạc bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, cấp đổi GCNQSDĐ khu dân cư xã Xuân Bắc	xã Xuân Hưng	2024-2026	14/QĐ-UBND ngày 20/01/2024	2.488	2.488				1.945	1.945
2.3	Lĩnh vực giáo dục đào tạo										
	Xây dựng các phòng chức năng nhà 2 tầng, lắp đặt hệ thống PCCC, phá dỡ nhà 2 tầng 08 phòng học và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học khu A xã Xuân Vinh	xã Xuân Hưng	2025-2026	QĐ số 23 ngày 12/02/2025	7.930	7.930				5.895	5.895
3	DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN				10.277	10.277	-	-	-	9.824	9.824
3.1	Lĩnh vực giáo dục đào tạo										
3,1,1	Cải tạo, sửa chữa trường Trung học cơ sở Xuân Trung	xã Xuân Hưng	2025-2027	2064/QĐ-UBND ngày 20/10/2025	998	998				900	900
3,1,2	Cải tạo, sửa chữa trường Tiểu học Xuân Trung	xã Xuân Hưng	2025-2027	2065/QĐ-UBND ngày 20/10/2025	972	972				900	900
3,1,3	Cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Xuân Vinh khu An Cư	xã Xuân Hưng	2025-2026	2062/QĐ-UBND ngày 20/10/2025	1.198	1.198				1.100	1.100
3,1,4	Xây dựng nhà vệ sinh trường Trung học cơ sở Xuân Bắc	xã Xuân Hưng	2025-2027	2075/QĐUBND ngày 23/10/2025	558	558				558	558
3,1,5	Xây dựng 02 nhà vệ sinh trường Tiểu học Xuân Bắc	xã Xuân Hưng	2025-2027	2074/QĐUBND ngày 23/10/2025	987	987				900	900
3,1,6	Cải tạo, sửa chữa trường Tiểu học Thọ Nghiệp	xã Xuân Hưng	2025-2027	2066/QĐUBND ngày 20/10/2025	997	997				900	900
3,1,7	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở HĐND - UBND và các hạng mục phụ trợ xã Xuân Hưng	xã Xuân Hưng	2025-2026	2774/QĐUBND ngày 24/11/2025	1.916	1.916				1.916	1.916
3.2	Lĩnh vực văn hóa - thông tin										
	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa, Trung tâm phục vụ hành chính công và các hạng mục phụ trợ xã Xuân Hưng	xã Xuân Hưng	2025-2027	2778/QĐUBND ngày 25/11/2025	721	721				721	721
3.3	Lĩnh vực nông nghiệp										
	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Xuân Hưng năm 2025	xã Xuân Hưng	2025-2026	2726/QĐ-UBND ngày 14/11/2025	1.929	1.929				1.929	1.929
4	DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ CHƯA ĐƯỢC PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ				497.100	497.100	-	-	-	1.850	1.850
	Các công trình khởi công mới			0	497.100	497.100	0	0	0	1.850	1.850
4.1	Lĩnh vực quản lý nhà nước										
	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc, nhà ăn và các hạng mục phụ trợ Đảng ủy xã Xuân Hưng	xã Xuân Hưng			1.800	1.800				100	100
4.2	Lĩnh vực y tế										
	Cải tạo, sửa chữa Trạm y tế	xã Xuân Hưng			1.000	1.000				100	100
4.3	Lĩnh vực giáo dục - đào tạo										
4,3,1	Xây dựng 08 phòng học và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Xuân Vinh	xã Xuân Hưng			19 500	19 500				100	100
4,3,2	Xây mới Nhà đa năng, cải tạo, sửa chữa trường THCS Xuân Vinh và các hạng mục phụ trợ	xã Xuân Hưng			18 000	18 000				100	100
4,3,3	Xây dựng Nhà đa năng, đây nhà 3 tầng khu hiệu bộ, các phòng học chức năng và hạng mục phụ trợ trường Tiểu học B Thọ Nghiệp, xã Xuân Hưng	xã Xuân Hưng			30 000	30 000				100	100
4,3,4	Xây dựng nhà 3 tầng Khu hiệu bộ, các phòng học, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Xuân Bắc, xã Xuân Hưng.	xã Xuân Hưng			19 500	19 500				100	100
4.4	Lĩnh vực giao thông										
4,4,1	Xây mới rãnh thoát nước, cải tạo lề đường khu dân cư xóm 2 miền Xuân Vinh xã Xuân Hưng	xã Xuân Hưng			1 000	1 000				100	100
4,4,2	Cải tạo, nâng cấp đường xã Xuân Hưng đoạn từ cầu chợ Công đến xóm 10 (miền Trà Lũ)	xã Xuân Hưng			4 000	4 000				100	100
4,4,3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê và làm đường giao thông từ công Nam Điền B đến công Tàu và tuyến nhánh	xã Xuân Hưng			18 000	18 000				100	100
4,4,4	Cải tạo, nâng cấp đường xã Xuân Hưng đoạn từ cây xăng Đại Kim đến cầu Lò Voi	xã Xuân Hưng			18 000	18 000				100	100
4,4,5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng khu vực Xuân Phương miền Trà Lũ xã Xuân Hưng năm 2026	xã Xuân Hưng			2 000	2 000				100	100
4,4,6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng khu vực Xuân Bắc miền Trà Lũ xã Xuân Hưng năm 2026	xã Xuân Hưng			2 000	2 000				100	100
4,4,7	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng khu vực Xuân Trung miền Trà Lũ xã Xuân Hưng năm 2026	xã Xuân Hưng			2 000	2 000				100	100
4,4,8	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng miền Xuân Vinh xã Xuân Hưng năm 2026	xã Xuân Hưng			2 000	2 000				100	100
4,4,9	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng miền Thọ Nghiệp xã Xuân Hưng năm 2026	xã Xuân Hưng			2 000	2 000				100	100
4.5	Lĩnh vực xã hội										
	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ Xuân Phương, xã Xuân Hưng	xã Xuân Hưng			2 300	2 300				50	50
4.6	Lĩnh vực khác										
4,6,1	Xây dựng khu dân cư tập trung Thọ Nghiệp xã Xuân Hưng	xã Xuân Hưng			95 000	95 000				100	100
4,6,2	Xây dựng khu dân cư tập trung miền Trà Lũ xã Xuân Hưng	xã Xuân Hưng			69 000	69 000				100	100
4,6,3	Xây dựng khu dân cư tập trung miền Xuân Vinh xã Xuân Hưng	xã Xuân Hưng			190 000	190 000				100	100
5	SỐ VỐN CÒN LẠI CHƯA PHÂN BỐ ĐỀ BỎ TRÍ VỐN KHỞI CÔNG MỚI CHO CÁC DỰ ÁN HIỆN NAY ĐANG TRONG QUÁ TRÌNH CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ NHƯNG SẼ HOÀN THÀNH CÔNG TÁC CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ; HOẶC BỔ SUNG VỐN CHO CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP CẦN ĐÁY NHANH THỰC ĐỘ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN									36.336	36.336

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026*(Kèm theo Quyết định số 3029/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND xã Xuân Hưng)**Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	328.196
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	75.746
-	Thu NSDP hưởng 100%	2.260
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	73.486
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	252.450
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	249.450
2	Thu bổ sung có mục tiêu	3.000
3	Thu bổ sung thực hiện tiền lương	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	
IV	Thu kết dư	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
VI	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	
B	TỔNG CHI NSDP	328.196
I	Tổng chi cân đối NSDP	325.196
1	Chi đầu tư phát triển	61.772
2	Chi thường xuyên	256.764
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	
5	Dự phòng ngân sách	6.660
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	Chi các chương trình mục tiêu	3.000
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	3.000
III	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	
C	BỘI THU NSDP	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh	
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	
I	Vay để bù đắp bội chi	
II	Vay để trả nợ gốc	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 3029/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND xã Xuân Hưng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	3
	TỔNG THU NSNN (A+B+C+D)	511.450	328.196
A	THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II)	259.000	75.746
I	Thu nội địa	259.000	75.746
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý		
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	110	
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	20.930	20.900
5	Thuế thu nhập cá nhân	3.000	2.900
6	Thuế bảo vệ môi trường		
7	Lệ phí trước bạ	8.100	900
8	Thu phí, lệ phí	610	160
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	200	200
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	350	174
12	Thu tiền sử dụng đất	222.000	49.512
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
16	Thu khác ngân sách	3.000	300
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	700	700
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức		
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước		
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước		
II	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu		
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu		
B	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	252.450	252.450
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	249.450	249.450
2	Thu bổ sung có mục tiêu	3.000	3.000
3	Thu bổ sung thực hiện tiền lương		
C	Thu chuyển nguồn		
D	Thu kết dư		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 3029/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND xã Xuân Hưng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026
A	B	2
	TỔNG CHI NSDP (A+B+C)	328.196
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	325.196
I	Chi đầu tư phát triển	61.772
1	Chi đầu tư cho các dự án	61.772
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>	
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	61.772
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	
3	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	256.764
	<i>Trong đó:</i>	
1	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	142.285
2	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	500
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	
V	Dự phòng ngân sách	6.660
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	3.000
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	
	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	3.000
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 3029/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND xã Xuân Hưng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi thường xuyên	Chi đầu tư phát triển	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách tỉnh cho ngân sách xã
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ	328.196	256.764	61.772			6.660	3.000
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	256.764	256.764					
1	Văn phòng HĐND -UBND xã	13.400	13.400					
2	Phòng Văn hóa - xã hội	40.814	40.814					
3	Phòng Kinh tế	12.516	12.516					
4	Trung tâm phục vụ hành chính công	1.423	1.423					
5	Văn phòng Đảng ủy	9.414	9.414					
6	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	6.824	6.824					
7	Trạm y tế	7.961	7.961					
8	Các đơn vị sự nghiệp giáo dục	127.747	127.747					
9	Công an xã	270	270					
10	Dự án phát thanh truyền hình (Nâng cấp, chuyển đổi công nghệ hệ thống thông tin cơ sở)	7.000	7.000					
11	Dự án quản lý hành chính (Tăng cường cơ sở vật chất phục vụ hoạt động điều hành chung xã Xuân Hưng)	8.000	8.000					
II	Kinh phí chưa phân bổ	20.118	20.118					
13	Chi khác	1.277	1.277					
II	Chi đầu tư phát triển	61.772	61.772	61.772				
III	Chi dự phòng ngân sách	6.660					6.660	
IV	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách tỉnh cho ngân sách xã	3.000						3.000

